

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VL
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày: 19/4/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTLT

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông NTLT

- Ông LPH

Thư ký phiên tòa: Bà BTHT - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa:
Ông NVT - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/HSST - QĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/HSST-QĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo: **DQT**, sinh ngày: 25/11/1996.

Tên gọi khác: Phát.

Nơi sinh: huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: tổ 14, ấp DT C, xã DT, thị xã BM, tỉnh VL.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: kinh

Tôn giáo: không.

Trình độ học vấn: 06/12.

Nghề nghiệp: Sửa xe.

Tiền án: 01 tiền án (Vào ngày 26/3/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã BM xử phạt 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” đến ngày 08/11/2019 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Đến đầu tháng 5/2020 thì chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội).

Tiền sự: Không.

Họ và tên cha: DQH, sinh năm: 1956.

Họ và tên mẹ: VT, sinh năm: 1975.

Anh, em ruột có 02 người

Vợ: NTB, sinh năm: 1994

Con có 02 người

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/01/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị NTTH, sinh năm: 1978 – Vắng mặt.

Địa chỉ ĐKTT: ấp Thanh Bình, xã Trường Xuân B, huyện TL, thành phố CT.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Tiến B, xã TA, thị xã BM, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh LTN, sinh ngày 15/4/2001 – Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Thanh Bình, xã Trường Xuân B, huyện TL, thành phố CT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh LTN, sinh ngày 15/4/2001 – Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp Thanh Bình, xã Trường Xuân B, huyện TL, thành phố CT.

+ Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng;

Địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà Ree, số 09 Đoàn Văn Bơ, phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LBG, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 199 Đội Cán, phường Đội Cán, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội – Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Vũ Linh, sinh ngày 01/01/1995 (Xin Vắng);

Địa chỉ: Ấp Thanh Sơn, xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh BL.

+ Anh NML, sinh năm 1985 – Có mặt;

Địa chỉ: Khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã BM, tỉnh VL.

+ Anh HVP, sinh năm 1982 – Vắng mặt;

Địa chỉ ĐKTT: Tổ 33, ấp Tân Tiến B, xã TA, thị xã BM, tỉnh VL.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 1, Khóm 4, phường Thành Phước, thị xã BM, tỉnh VL.

+ Chị VT, sinh năm 1975 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 14, ấp ĐT C, xã ĐT, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/3/2020 DQT đến cửa hàng xe Hồng P ở tổ 1, khóm 4, phường Thành Phước, thị xã BM, tỉnh VL mua trả góp xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh-bạc-đen, biển số 64K1 - 295.34 (xe đã qua sử dụng) với giá 33.000.000 đồng, T trả trước cho cửa hàng 3.000.000 đồng. Sau đó T mang xe mô tô 64K1 - 295.34 thế chấp cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng vay số tiền 30.000.000 đồng để trả tiền mua xe cho cửa hàng Hồng P. Theo hợp đồng vay, hàng tháng đến ngày 07 (ngày dương lịch) T phải trả cho Ngân hàng Việt Nam T Vượng số tiền 2.377.000 đồng, thời hạn cho đến ngày 07/3/2022 nếu trả đủ tiền vay gốc và lãi thì T mới được toàn quyền định đoạt xe mô tô 64K1 - 295.34. Đến ngày 18/3/2020 T được Công an thị xã BM cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64K1 - 295.34, bản gốc giấy chứng nhận xe 64K1 - 295.34 T giao cho Ngân hàng Việt Nam T Vượng giữ để đảm bảo việc thế chấp vay tiền tại Ngân hàng, T chỉ giữ bản sao y giấy chứng nhận đăng ký xe 64K1 -295.34 để sử dụng. T sử dụng xe mô tô 64K1 - 295.34 đang thế chấp vay tiền nhưng hoàn toàn không thanh toán tiền gốc và lãi cho ngân hàng như

cam kết, thỏa Tận. Sử dụng một thời gian T nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64 K1 - 295.34 để đem xe cầm lấy tiền tiêu xài. Đầu tháng 5/2020, T lên mạng xã hội Zalo tìm người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe thì tìm thấy một tài khoản Zalo tên “Trần Văn Tân”, T đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe giả với giá 1.500.000 đồng. Sau khi thỏa Tận giá T chụp ảnh bản sao y giấy chứng nhận đăng ký xe 64K1 - 295.34 gửi qua tài khoản Zalo “Trần Văn Tân” thì khoảng 03 ngày sau có giấy (*giấy giả T mua có nội dung do Công an thị xã BM cấp nhìn mắt thường giống như giấy thật T đã được cấp*). Khi có giấy chứng nhận đăng ký xe giả, T đem xe 64K1 - 295.34 cùng với giấy chứng nhận giả đem cầm cho anh NML ở khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã BM, tỉnh VL với số tiền 17.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Sau khi hết tiền T nảy sinh ý định bán xe để có thêm tiền. Sau đó T đến quán cà phê Kim Ngân ở ấp Tận Tiến B, xã TA, thị xã BM do chị NTTH làm chủ để lừa bán xe mô tô 64K1 - 295.34 cho chị H với số tiền 23.000.000 đồng (*T nói dối với chị H rằng hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, cần tiền nên bán xe với giá 23.000.000 đồng, chị H hỏi T có giấy tờ đầy đủ không? nếu có giấy tờ đầy đủ mới mua, thì T nói có đầy đủ*). Chị H không biết xe mô tô 64K1 - 295.34 đang được T thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Việt Nam T Vượng và giấy chứng nhận đăng ký xe giả nên chị H đã đồng ý mua. Chị H cùng với T đến gặp anh L để chuộc lại xe và làm hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 64K1 - 295.34, khi ký kết hợp đồng chị H để con ruột là LTN ký với T. Sau khi làm xong hợp đồng mua bán xe, chị H đưa cho T số tiền 6.000.000 đồng (*xe vẫn tiếp tục thế chấp lại cho anh L, vì lúc này chị H chưa thanh toán tiền vay thế chấp 17.000.0000 đồng cho anh L*). Khoảng hơn 01 tháng sau, chị H đem 17.000.000 đồng đến giao cho anh L và chuộc lại xe, sau đó chị H đem giấy chứng nhận đăng ký xe đến Công an phường Cái Vồn, thị xã BM để xác nhận hợp đồng mua bán xe giữa T và N. Qua kiểm tra hồ sơ Công an phường Cái Vồn phát hiện giấy đăng ký xe mô tô 64K1 - 295.34 của DQT nghi vẫn làm giả nên tiến hành lập biên bản tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 64K1 - 295.34 và xe mô tô biển số 64K1 - 295.34 để kiểm tra, xác minh. Sau khi kiểm tra tại Đội cảnh sát giao thông Công an thị xã BM kết quả giấy chứng nhận đăng ký xe 64K1 - 295.34 mang tên DQT do Công an phường Cái Vồn T giữ không phải là giấy chứng nhận xe do Cơ quan Công an thị xã BM cấp. Công an phường Cái Vồn chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã BM xác minh làm rõ. (BL: 72)

Căn cứ kết luận định giám định số: 109/KLGD-PC09 ngày 16/3/2021 của Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh VL xác định giấy chứng nhận đăng ký xe 64K1 -295.34 do Công an phường Cái Vồn T giữ gửi giám định không phải là giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan Công an thị xã BM cấp (*tức là giấy làm giả*). (BL: 48).

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 23/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã BM ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với DQT về tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra DQT bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã BM ra quyết định

truy nã, cho đến ngày 02/01/2022 bắt được DQT và tạm giam để điều tra. (BL: 06,12,29,53,54,79).

Trong quá trình điều tra chứng minh được hành vi của DQT lừa đảo bán xe mô tô 64K1 -295.34 cho chị H với số tiền 23.000.000 đồng. Trong khi xe mô tô 64K1 -295.34 DQT đang được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Việt Nam T Vượng nên hành vi của DQT đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS. Ngày 09/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã BM ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can. (BL: 16-17,64-66).

Qua điều tra, DQT đã thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. (BL: 129-159).

Tại bản cáo trạng số 10/CT - VKSBM ngày 08/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM truy tố đối với DQT để xét xử về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Bị cáo DQT trình bày: Cáo trạng nêu đúng hành vi phạm tội của bị cáo, trong quá trình làm việc với điều tra viên và kiểm sát viên là do bị cáo tự nguyện khai ra không bị ép cung hay nhục hình. Bị cáo mua xe tại cửa hàng xe Hồng P với giá 33.000.000 đồng, bị cáo trả trước 3.000.000 đồng và thực hiện thủ tục vay tiền của Ngân hàng Việt Nam T Vượng 30.000.000 đồng để trả góp. Khi có giấy tờ xe, bị cáo được Ngân hàng giao cho giấy tờ sao y và Ngân hàng giữ giấy tờ xe bản gốc. Do thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định làm giấy tờ xe giả để thế chấp cho anh L với số tiền 17.000.000 đồng, sau đó bị cáo bán xe cho chị H với số tiền 23.000.000 đồng. Bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại được 5.000.000 đồng và mẹ bị cáo đã khắc phục thay bị cáo khắc phục cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Đồng thời bị cáo đồng ý trả cho chị H 16.000.000 đồng còn lại. Đối với hợp đồng vay của Ngân hàng Việt Nam T vượng, bị cáo đồng ý giao xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh - bạc- đen, biển số 64K1 - 295.34 cho Ngân hàng Việt Nam T Vượng T hồi nợ. Bị cáo rất ăn năn hối hận với hành vi vi phạm pháp luật của mình, gia đình bị cáo không có ai có công được Nhà nước tặng giấy khen, bằng khen và bản thân bị cáo làm nghề sửa xe không có tài sản riêng. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh L trình bày: Khi bị cáo cầm xe có đưa giấy tờ xe nhưng anh L không biết giấy tờ giả và 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu bản sao không có chứng thực nên anh L đồng ý cầm xe cho bị cáo cầm giá 17.000.000 đồng. Xe hiện chị H đã chuộc và trả đủ 17.000.000 đồng cho anh L nên anh L không bị thiệt hại gì không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Bà T trình bày: Bà T xác định đã thay bị cáo khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng do anh N nhận, bà T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đề nghị xem xét có đủ căn cứ để kết luận bị cáo DQT phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tình tiết tăng nặng: Vào ngày 26/3/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã BM xử phạt 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” đến ngày 08/11/2019 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Đến đầu tháng 5/2020 thì chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên Tộc trường hợp “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị can đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Khắc phục được một phần hậu quả gây ra nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo DQT:

- Đối với tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” đề nghị áp dụng:

+ Điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Điều 38, h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

- Đối với tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đề nghị áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

+ Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt của hai tội. Bị cáo DQT phải chịu xử phạt từ 02 năm đến 03 năm tù.

Trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 23.000.000 đồng mà chị NTTH đã mua xe của bị cáo T nay chị H ủy quyền lại cho con ruột là anh LTN, anh N yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền trên. Đến nay T và gia đình đã bồi thường được 7.000.000đồng, anh N yêu cầu T phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 16.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị buộc bị cáo T trả chị H số tiền còn lại là 16.000.000 đồng (BL: 112,114,118).

- Đối với bà VT (là mẹ ruột của bị cáo T) đã bồi thường 2.000.000đồng (trong số 7.000.000đồng) cho anh LTN để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo T nhưng

bà T không có yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền trên nên không đặt ra xem xét. (BL: 108 - 109)

Đề nghị xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 64K1-295.34 hiệu Yamaha Exciter màu xanh - bạc - đen đang được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Việt Nam T Vượng, anh Huỳnh Vũ Linh là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng yêu cầu được nhận lại xe mô tô 64K1 - 295.34 để thanh lý hợp đồng vay theo quy định và không có yêu cầu gì thêm. Đề nghị giao xe biển số 64K1-295.34 hiệu Yamaha Exciter màu xanh - bạc – đen cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng.

Đối với giấy tờ xe giả đề nghị tịch T lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 800.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối cải với hành vi vi phạm pháp luật của bản thân và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã BM và Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có đơn khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự và quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo DQT: Vào ngày 18/3/2020 DQT đem xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh – đen – bạc, biển số 64K1 - 295.34 thế chấp để vay tiền của Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng, phía Ngân hàng giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64K1 - 295.34 (Bản chính) còn xe thì giao cho bị cáo T quản lý, sử dụng. Sau khi thế chấp vay tiền, T không thanh toán tiền gốc, lãi cho ngân hàng theo cam kết, thỏa Tận. Đến đầu tháng 5/2020, bị cáo T muốn có tiền tiêu xài nên T tìm thấy một tài khoản Zalo tên “*Trần Văn Tân*” đặt mua giấy chứng nhận đăng ký xe giả với giá 1.500.000 đồng. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe giả, bị cáo T đem xe 64K1 - 295.34 cùng với giấy chứng nhận giả đem cầm cho anh NML ở khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã BM, tỉnh VL với số tiền 17.000.000 đồng và tiêu xài hết. Sau đó T tiếp tục nảy sinh ý định bán xe để có thêm tiền nên bị cáo T đến gặp chị NTTH và lừa chị H bán xe mô tô biển số 64K1 - 295.34 chiếm đoạt được số tiền 23.000.000 đồng (*Trong khi xe mô tô 64K1 -295.34 T đang được thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Việt Nam T Vượng*). Hành vi của bị cáo DQT là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan nhà nước trong hoạt động quản lý

hành chính. Bị cáo cũng đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Do đó DQT phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết: Người phạm tội tỏ ra ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo và khắc phục một phần hậu quả cho bị hại nên cần xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng: Vào ngày 26/3/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã BM xử phạt 06 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*” đến ngày 08/11/2019 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Đến đầu tháng 5/2020 thì chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên Tộc trường hợp “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 23.000.000đồng mà chị NTTH đã mua xe của bị cáo T nay chị H ủy quyền lại cho con ruột là anh LTN, anh N yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền trên. Đến nay bị cáo T và gia đình đã bồi thường được 7.000.000đồng, anh N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 16.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm là có căn cứ nên buộc bị cáo T bồi thường tiếp số tiền còn lại là 16.000.000 đồng cho chị NTTH. (BL: 112,114,118)

- Đối với bà VT (là mẹ ruột của bị cáo T) đã bồi thường 2.000.000đồng (trong số 7.000.000 đồng) cho anh LTN để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo T nhưng bà T không có yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. (BL: 108-109)

4. xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số biển số 64K1 - 295.34 hiệu Yamaha Exciter màu xanh - bạc -đen đang được thế chấp vay tiền tại Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng nên Ngân hàng yêu cầu được nhận xe và không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử cần xem xét giao xe mô tô 64K1 - 295.34 cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng để thanh lý hợp đồng vay theo quy định.

- Đối với giấy tờ xe biển số 64K1 - 295.34 là giấy tờ bị cáo T làm giả, Hội đồng xét xử cần xem xét tịch T để lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo DQT phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 800.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo DQT (Tên gọi khác: Phát) phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng:

- *Đối với tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* áp dụng:

+ Điều d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: 01 năm tù;

- *Đối với tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: 01 năm tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt của hai tội danh. Buộc bị cáo DQT phải chịu xử phạt 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày 02/01/2022.

4. Về các vấn đề khác:

4.1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo DQT bồi thường thiệt hại cho chị NTTH 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

4.2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Giao xe mô tô biển số biển số 64K1 - 295.34 hiệu Yamaha Exciter màu xanh - bạc – đen, đã qua sử dụng (Số máy G3D4E550051, số khung RLCUCT0610HY526917) cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam T Vượng (Xe do Chi cục Thi hành án dân sự quản lý theo BL số 189).

- Tịch T lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64K1 – 295.34 mang tên DQT được làm giả (Do Chi cục Thi hành án dân sự quản lý theo BL số 189).

4.3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo DQT (Tên gọi khác: Phát) phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 800.000 đồng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh VL xét xử P thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TVL
- Sở Tư Pháp tỉnh VL.
- CA, VKS, THADS TXBM
- Trại giam, Bị cáo, bị hại
- Lưu.

NTLT